TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P TỈNH T	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2022/HS-ST
Ngày 27 - 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh T;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị L và bà Dương Thị N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Q - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa*:* Ông Đàm Hoàng S - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2022/ TLST-HS, ngày 29 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/20212/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T- Sinh ngày: 20/3/1993 tại huyện P, tỉnh T. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam, con ông: Nguyễn Văn C – Sinh năm: 1967 và bà: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1972, gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình, có vợ là: Phạm Thị Q - Sinh năm: 1996 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015;

- *Tiền án:* Có 02 tiền án:

+ Tại bản án số 192/2017/HSST ngày 27/6/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 16 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy;

+ Tại bản án số 93/2019/HSST ngày 25/7/2019 của TAND huyện P, tỉnh T xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- *Tiền sự:* Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1965,
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, Huyện P, tỉnh T.
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1999,
Nơi cư trú Trú tại: Xóm C, xã Đ, Huyện P, tỉnh T.
3. Chị Trần Thị P, sinh năm 1982,
Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn H, Huyện P, tỉnh T.
4. Anh S, sinh năm 1998,
Nơi cư trú: Xóm T, xã T, Huyện H, tỉnh B.
5. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971,
Nơi cư trú: Xóm S, xã N, Huyện P, tỉnh T.

(Anh Trường, chị Phượng và ông Đán có mặt, ông Đế và anh Sơn vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:**

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1998,
Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, Huyện P, tỉnh T.
2. Ông Tạ Văn C, sinh năm 1971,
Nơi cư trú: Xóm T, xã T, Huyện H, tỉnh B.

(Anh L có mặt, ông C vắng mặt).

***- Người làm chứng*:**

1. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1996,
Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, Huyện P, tỉnh T.
2. Anh Dương Văn L, sinh năm 1983,
Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn H, Huyện P, tỉnh T.
3. Ông Dương Văn B, sinh năm 1956,
Nơi cư trú Trú tại: TDP Đ, thị trấn H, Huyện P, tỉnh T.
4. Anh Lương Văn B, sinh năm 1986,
Nơi cư trú: Xóm T, xã K, Huyện P, tỉnh T.
5. Anh Dương Văn S, sinh năm 1971,
Nơi cư trú: Xóm H, xã N, Huyện P, tỉnh T.
6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1972,
Nơi cư trú: Xóm S, xã N, Huyện P, tỉnh T.
7. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967,
Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh T.
8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988,
Nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện H, tỉnh B.

(Anh L, ông S, ông C có mặt, anh H, ông B,
anh B, chị L và chị T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Tlà đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2021 đến ngày 24/12/2021 lợi dụng sự sơ hở của người dân Tđã 5 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (là xe mô tô) trên địa bàn huyện P tỉnh T và huyện H, tỉnh B bán lấy tiền để phục vụ sinh hoạt cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 15 giờ ngày 06/10/2021, Tđi bộ từ nhà tại xóm L, xã T, huyện P, tỉnh T đến xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh T thì thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 20G1-122.07 của ông Dương Văn Đ đang dựng ở rìa đường đất giữa cánh đồng, ông Đ đang bẻ ngô ở ruộng cách đó 30m. Tquan sát không có ai và thấy ổ khóa vẫn cắm chìa, Ttiến lại gần dắt xe ra đường bê tông được khoảng 100m rồi nổ máy điều khiển xe vừa trộm cắp được đi đến thành phố T, tỉnh B để bán nhưng không bán được nên Tiền sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau khi phát hiện bị mất xe ông Đế nghi ngờ cho Tlà người trộm xe của mình nên đến nhà Tkiểm tra thì Tthừa nhận đã lấy xe của ông Đế. Khoảng 20 ngày sau Tđã mang xe về trả cho ông Đế.

Ngày 26/03/2022 ông Dương Văn Đ có đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc bị mất chiếc xe mô tô 20G1-122.07 như nêu trên và đề nghị Cơ quan điều tra huyện P giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P định giá đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 20G1-122.07 đã qua sử dụng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 38 ngày 05/04/2022 của Hội đồng định giá tài sản của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh T kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 20G1-122.07 có trị giá 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27/10/2021, Tđi bộ từ nhà của Tđến xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh T thì thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS: 20G1-366.94 do anh Nguyễn Văn T (là xe anh Trường mượn của Nguyễn Văn L cùng xóm), đi đến và dựng ở trước cửa quán cắt tóc của anh Nguyễn Công H để T vào cắt tóc. Tquan sát không có ai nên tiến lại gần chiếc xe, thấy ổ khóa vẫn cắm chìa, Tđã lén lút dắt xe mô tô ra đường bê tông nổ máy điều khiển xe đi đến phường Đ, thành phố T, tỉnh B để bán xe, trên đường đi Tkiểm tra trong cốp xe có một chiếc ví bên trong có 01 giấy phép lái xe; 01 căn cước công dân; 03 thẻ ATM; 01 chứng minh nhân dân; 01 đăng ký xe máy đều mang tên Nguyễn Văn Linh; tiền 400.000 đồng, Tlấy

số tiền 400.000 đồng, còn ví và giấy tờ vẫn để trong cốp xe. Tmang xe bán cho một người tên Q với giá 3.200.000 đồng. Tđã dùng tiền mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/01/2022 anh Nguyễn Văn L có đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc bị mất chiếc xe, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS: 20G1-366.94 và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS: 20G1-366.94; 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng. Tại kết luận số 25 ngày 16/03/2022 Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20G1-366.94, màu sắc: Trắng đen bạc đã qua sử dụng có giá là 9.500.000 đồng; 01 ví da màu nâu đã qua sử dụng, loại ví dài cầm tay có giá 125.000 đồng. Tổng cộng các tài sản trên có giá là 9.625.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 11 giờ 30 phút sáng ngày 11/11/2021, Tmột mình đi bộ từ nhà đến tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện P, tỉnh T thì thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 20G1-261.11, của chị Trần Thị P dựng ở cổng nhà chị P, Tquan sát xung quanh không thấy có người nên tiến lại gần chiếc xe mô tô, thấy xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ, Tđã lén lút dắt chiếc xe xuống đường và nổ máy đi về nhà anh Lương Văn B để rủ anh B đi xuống B chơi, B không đi. Trên đường đi Tcó mở cốp xe trộm cắp ra thì thấy có đăng ký xe, mang tên Trần Thị P, Tđể lại vào cốp rồi điều khiển xe đến phường Đ, thành phố T, tỉnh B để bán xe. Tbán xe cho Q với giá 2.000.000 đồng, Tđã sử dụng tiền này để mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 18/11/2021 Chị Trần Thị P có đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc bị mất trộm chiếc xe mô tô, BKS: 20G1-261.11, nêu trên và đề nghị Cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P định giá đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 20G1-261.111 đã qua sử dụng. Tại kết luận định giá tài sản số 112/KL-HDĐGTS ngày 28/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận chiếc xe mô tô BKS: 20G1-261.111 có giá trị 5.640.000 đồng.

- Vụ thứ tư:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/11/2021, Tđi bộ từ nhà đến khu vực xóm Đ, xã N, huyện P thì thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 20P1-1757 của ông Nguyễn Văn Đ dựng ở rìa đường bê tông. Tquan sát không có ai và thấy ổ khóa vẫn cắm chìa, Tlén lút tiến lại gần chiếc xe nổ máy điều

khiển xe đi xuống phường Đ, thành phố T, tỉnh B bán cho một người tên Q với giá 2.000.000 đồng. Tđã dùng tiền trên mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/01/2022 ông Nguyễn Văn Đ có đơn trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc bị kẻ gian vào lấy trộm chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 20P1-1757 và tài sản để trong cốp xe gồm 01 thước dây, 01 thước rút, trong cốp xe còn có số tiền Việt Nam là 40.000.000 đồng và đề nghị Cơ quan điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 20P1-1757 đã qua sử dụng và 01 thước dây; 01 thước rút. Tại kết luận định giá tài sản số 28/KL-HDĐGTS ngày 16/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện P kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 20P1-1757 đã qua sử dụng có giá 7.500.000 đồng; 01 thước dây đã qua sử dụng có giá 30.000 đồng; 01 thước rút đã qua sử dụng có giá 15.000 đồng. Tổng cộng các tài sản Ttrộm cắp ngày 23/11/2021 có giá là 7.545.000 đồng.

- Vụ thứ Năm:

Khoảng 16 giờ ngày 24/12/2021, Tmột mình từ nhà đi nhờ xe của người đi đường đến xã C, huyện H, tỉnh B chơi. Đến khoảng 20 giờ Tphát hiện trong sân nhà anh Nguyễn Văn T (Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện H, tỉnh B) để một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 98D1-639.89 của anh S (sinh năm 1998, trú tại thôn T, xã T, huyện H, tỉnh B), Tnhìn thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Tquan sát không thấy người và cổng nhà không khóa, Tđã tiến lại gần lén lút dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển xe đi về nhà, tháo biển xe để ở giá để đồ của xe.

Ngày 27/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đến nhà Tlàm việc thì Tbỏ chạy. Cơ quan điều tra đã tiến hành tạm giữ chiếc xe mô tô BK: 98D1-639.89 .

Ngày 12/01/2022 Tđến Công an huyện H, tỉnh B để đầu thú. Công an huyện H, tỉnh B tiếp nhận Nguyễn Văn T ra đầu thú và tạm giữ của T01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

Ngày 13/01/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P chuyển vật chứng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter không có biển kiểm soát, không có gương chiếu hậu số khung: 488840, số máy 510760 xe cũ đã qua sử dụng đến Công an huyện H, tỉnh B để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra yêu cầu xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ thu giữ tại nhà Nguyễn Văn T.

Ngày 08/2/2022 Công an huyện H có thông báo kết quả tra cứu chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ thu giữ tại nhà Nguyễn Văn T, chủ sở hữu chiếc

xe là anh Tạ Văn C, sinh năm1971, trú tại xóm T, xã T, huyện H, tỉnh B xe mang BKS: 98D1-639.89.

Ngày 14/01/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh B ra yêu cầu định giá tài sản 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 98D1-639.89 đã qua sử dụng. Tại kết luận định giá tài sản số 04 ngày 20/01/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện H, tỉnh B kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, BKS: 98D1-639.89 đã qua sử dụng có giá 18.000.000 đồng.

Ngày 24/3/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện H, tỉnh B đã chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an huyện P, tỉnh T để điều tra theo quy định

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn Tđã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 73/CT-VKSPB, ngày 29-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Điểm b, c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Ttừ 05 đến 06 năm tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền là 10.025.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị P số tiền 5.640.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 7.545.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của BLTTHS:

+ Tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO máy cũ, đã qua sử dụng để đảm bảo việc THA cho bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu các khoản án phí sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình. Khi được nói lời sau cùng bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

Các bị hại (Anh T, chị P và ông Đ) đều có ý kiến: Về hình phạt đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, về dân

sự yêu cầu được bồi thường trị giá các tài sản đã bị bị cáo chiếm đoạt theo kết quả định giá của cơ quan có thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Linh) không có ý kiến, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh T; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn khách quan, tự nguyện nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, vì đã phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, những người tham gia tố tụng khác trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Nguyễn Văn Tlà đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp, thường sống lang thang nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mục đích bán lấy tiền mua ma túy và làm nguồn sống chính cho bản thân. Thực hiện ý định nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2021 đến 24/12/2021, trên địa bàn huyện P, tỉnh T và huyện H, tỉnh B, bị cáo đã 05 lần trộm cắp tài sản của các bị hại là: Ông Dương Văn Đ, anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị P, ông Nguyễn Văn Đ và anh S chiếm đoạt 05 chiếc xe mô tô gồm các nhãn hiệu khác nhau, một số tài sản khác và tiền mặt. Tổng trị giá tài sản bị cáo đã trộm cắp của các bị hại là 51.210.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn Tlà người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: "Trộm cắp tài sản", bản thân bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt là: "Có tính chất chuyên nghiệp", "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" và "Tái phạm nguy hiểm". Tội phạm

và hình phạt được quy định tại điểm b, c, g khoản 2 Điều 173 của BLHS. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh T truy tố bị cáo về tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

a)...

b) Có tính chất chuyên nghiệp.

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mức độ của tội phạm là nghiêm trọng, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định về an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh bằng pháp luật hình sự nhằm tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình 01 tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, sau khi vụ việc bị phát hiện bị cáo Tđã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Về nhân thân, thấy bị cáo là người nghiện ma túy đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội có cùng tính chất, điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu và coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với vị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài để cho bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy cũng như cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền...Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5].Về thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt 05 chiếc xe mô tô các loại, số tiền 400.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân khác của ông Dương Văn Đ, anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị P, ông Nguyễn Văn Đ và anh S. Đối với chiếc xe mô tô bị cáo trộm cắp của ông Dương Văn Đ bị cáo đã trả lại cho ông Đế quản lý, sử dụng, đối với chiếc xe mô tô bị cáo trộm cắp của anh S đã được cơ quan điều tra đã thu hồi lại cho anh Sơn quản lý sử dụng. Nay ông Đế và anh Sơn không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết tiếp.

- Đối với các tài sản bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị P và ông Nguyễn Văn Đ, bao gồm: 03 chiếc xe mô tô các loại, 01 chiếc ví da, 02 thước dây, một số giấy tờ các nhân khác và số tiền mặt là 400.000 đồng, hiện không thu hồi được và cho đến nay bị cáo cũng chưa bồi thường khoản tiền nào cho anh Trường, chị Phượng và ông Đán. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị hại nêu trên đều yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá các tài sản trên theo kết luận định giá tài sản của cơ quan có thẩm quyền. Xét yêu cầu này của các bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 48 của BLHS và các Điều 584, 589 của BLDS cần chấp nhận và buộc bị cáo Nguyễn Văn Tphải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T tổng số tiền là tiền là 10.025.000 đồng; bồi thường cho chị Trần Thị P số tiền là 5.640.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ tổng số tiền là 7.545.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Văn L cho anh T mượn chiếc xe mô tô BKS 20G1 – 366.94, bên trong cốp xe có số tiền 400.000 đồng, 01 ví da và một số giấy tờ các nhân khác. Quá trình sử dụng, anh T đã bị bị cáo Nguyễn Văn T trộm cắp chiếc xe mô tô trên, hiện không thu hồi được. Tuy nhiên, anh L đã được anh T bồi thường đầy đủ trị giá các tài sản nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh L không có yêu cầu gì thêm đối với anh T nên không đặt ra xem xét giải quyết tiếp.

[6] *Về xử lý vật chứng vụ án:* Căn cứ Điều 106 BLTTHS, xử lý vật chứng vụ án như sau:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO máy cũ đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu của bị cáo, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc Thi hành án cho bị cáo.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính đối với bị cáo, về bồi

thường dân sự, hướng xử lý vật chứng vụ án ... là phù hợp với các quy định của Pháp luật cần được chấp nhận.

[8] Liên quan đến vụ án, còn có người đàn ông tên Q ở thành phố T, tỉnh T mua những chiếc xe mô tô mà Ttrộm cắp được. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại phường Đ, thành phố T, tỉnh B nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của người đàn ông tên Q nên tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau.

- Đối với ông Nguyễn Văn Đ còn khai, ngoài bị mất trộm 01 chiếc xe mô tô, 01 thước dây, 01 thước rút, trong cốp xe còn có số tiền 40.000.000 đồng tiền Việt Nam. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Văn Tkhai đã kiểm tra cốp xe nhưng không có số tiền 40.000.000 đồng như ông Đ khai. Cơ quan điều tra đã cho Tđối chất với ông Đ nhưng Tkhẳng định trong cốp xe không có số tiền trên. Bản thân ông Đ không chứng minh được việc để tiền vào cốp xe ngày 21/11/2021 cũng không có ai chứng kiến nên không có căn cứ xác định việc mất số tiền 40.000.000 đồng.

[9] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sung quỹ Nhà nước, theo quy định pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 48, điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Các Điều 357, 468, 584, 586 và Điều 589 của BLDS;

- Điều 106, Điều 136 và Điều 329, 331, 333 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tphạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T05 (Năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 14/01/2022.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 173 của BLHS.

4. Ra Quyết định tạm giam Nguyễn Văn Tvới thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tphải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.025.000 đồng (Mười triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bồi thường cho chị Trần Thị P số tiền 5.640.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) và bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 7.545.000 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về xử lý vật chứng:

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (Được niêm phong trong bì thư niêm phong còn nguyên vẹn được dán kín có dấu đỏ, ngoài bì thư có ghi Công an huyện H, Cơ quan cảnh sát điều tra, tên vật chứng tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO máy cũ đã qua sử dụng, được niêm phong ngày 12/01/2022, người tiến hành niêm phong là Nguyễn Văn P, Điều tra viên) để đảm bảo việc Thi hành án cho bị cáo

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/7/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T).*

7.Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tphải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 1.160.500 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng) án phí DSST sung quỹ Nhà nước.

8. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại (Anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị P và ông Nguyễn Văn Đ) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Anh Nguyễn Văn Linh) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các bị hại (Ông Dương Văn Đ và anh S) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Ông Tạ Văn Cương) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh T;
- VKSND, THADS huyện P;
- Công an huyện P;
- Bị cáo, bị hại và người CQLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh T